HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 81 /2026/NQ-HĐND	*An Giang, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 159/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện;

Xét Tờ trình số 1015/TTr-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về dự thảo Nghị quyết quy định hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho người tham gia

bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn tỉnh An Giang, ngoài mức hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện từ ngân sách Trung ương theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 159/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số; người đang sinh sống tại các xã đảo, đặc khu theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; ấp, khóm, khu đội trưởng; người tham gia hoạt động ở ấp, khóm, khu phố (gồm Phó Bí thư Chi bộ ấp, khóm, khu phố; Phó Trưởng ấp, khóm, khu phố; Chi hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ, Bí thư Chi Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi hội trưởng Hội Nông dân, Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh ở ấp, khóm, khu phố).

b) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Điều 2. Mức hỗ trợ và đối tượng hỗ trợ

1. Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện được ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm tiền đóng theo tỷ lệ phần trăm (%) trên mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện hằng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn theo quy định tại khoản 2 Điều 31 và khoản 1 Điều 36 của Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15, cụ thể:

a) 40% đối với người tham gia thuộc hộ nghèo;

b) 30% đối với người tham gia thuộc hộ cận nghèo;

c) 30% đối với người tham gia là người dân tộc thiểu số;

d) 10% đối với người tham gia là người đang sinh sống tại các xã đảo, đặc khu theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

đ) 50% đối với ấp, khóm, khu đội trưởng; người tham gia hoạt động ở ấp, khóm, khu phố (gồm Phó Bí thư Chi bộ ấp, khóm, khu phố; Phó Trưởng ấp, khóm, khu phố; Chi hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ, Bí thư Chi Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi hội trưởng Hội Nông dân, Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh ở ấp, khóm, khu phố).

2. Trường hợp người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đồng thời thuộc nhiều nhóm đối tượng được hỗ trợ theo các mức khác nhau quy định tại khoản 1 Điều này thì chỉ được hưởng mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ quy định tại Điều 2 Nghị quyết này do ngân sách địa phương bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn vận động, tài trợ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

2. Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định việc hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho ấp (khu) đội trưởng, người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu phố và người trực tiếp tham gia công việc ở ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Kiên Giang hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa XI, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 30 tháng 10 năm 2026.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND các xã, phường, đặc khu;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Cổng TTĐT tỉnh An Giang;
- Trang TTĐT VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Trần Thị Thanh Hương